

Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

## Kế hoạch Tài chính Tương lai

**Kế hoạch Tài chính Tương lai** là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế theo nhu cầu riêng của Quý khách với quyền lợi bảo hiểm đa dạng, quyền lợi đầu tư an toàn và phương thức đóng phí bảo hiểm chủ động, linh hoạt.



Bảo vệ trẻ với 14 bệnh Nan Y trẻ em chuyên biệt



Quyền lợi bảo hiểm gia tăng mở rộng bảo vệ trẻ từ 0 tuổi



Bảo vệ 2 Người được bảo hiểm trên một hợp đồng



Tài khoản tích lũy với 0% chi phí phát sinh mang đến hiệu quả đầu tư và sự linh hoạt cao nhất

**CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM** (“Chubb Life”) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ hơn 1.384 tỷ đồng.

Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

☎ (84-28) 3827 8989

🎧 \*8123 hoặc (84-28) 3827 8123

📠 (84-28) 3821 9000

✉ [chubblife.vietnam@chubb.com](mailto:chubblife.vietnam@chubb.com)

🏠 <http://life.chubb.com/vn>

**I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**

	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua Bảo hiểm (BMBH)	CHA	NAM	01/01/1996	25	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 1	CON	NỮ	01/01/2017	4	2
Người được Bảo hiểm (NDBH) 2	CHA	NAM	01/01/1996	25	2

**II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) THAM GIA**

Đơn vị tính: đồng

STT	Kế hoạch Tài chính Tương lai Quyền lợi 25 - Lựa chọn A	NDBH	Điều kiện Bảo hiểm (*)	Mệnh giá bảo hiểm (MGBH)	Tuổi đáo hạn NDBH	Phí bảo hiểm (BH) cơ bản (**)
1	QLBH Cơ bản	1	S/S	500.000.000	25	4.850.000
2	QLBH Tử vong hoặc Tàn tật do Tai nạn Mở rộng	1	S/S	500.000.000	25	1.590.000
3	QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	1	S/S	500.000.000	25	370.000
4	QLBH Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng	1	S/S	500.000	25	3.693.200
5	QLBH theo Mức độ cho Bệnh Nan Y	1	S/S	500.000.000	25	5.210.000
6	QLBH Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng	2	S/S	500.000	46	996.000
7	QLBH khi Người giám hộ Tử vong	2	S/S		46	5.060.000
8	QLBH khi Người giám hộ bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc mắc Bệnh Nan Y	2	S/S		46	2.983.600

**Tổng cộng: 24.752.800**

Năm       Nửa năm       Quý

**Sản phẩm chính**

Phí BH đóng theo kỳ (1):	24.752.800	12.376.400	6.188.200
Phí BH đóng thêm (dự kiến) (2):	5.247.200	2.623.600	1.311.800
Phí BH dự kiến theo kỳ (3 = 1 + 2):	30.000.000	15.000.000	7.500.000
Thời gian đóng phí (dự kiến):	10 năm		

**Tổng Phí BH đóng theo kỳ 24.752.800 12.376.400 6.188.200**

**Ghi chú:**

(\*) Điều kiện Bảo hiểm: S/S là điều kiện bảo hiểm chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.

(\*\*) Phí BH cơ bản: là phí BH tối thiểu mà BMBH phải đóng cho mỗi năm trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên.

**III. GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH)**

**SẢN PHẨM CHÍNH**

<b>Quyền lợi Bảo hiểm</b>	<b>Sự kiện Bảo hiểm</b>	<b>Số tiền Bảo hiểm chi trả (đồng)</b>
<b>Người được Bảo hiểm 1</b>		
<b>Quyền lợi Duy trì Hợp đồng</b>	Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 04 và mỗi 04 Năm hợp đồng sau đó	10% tổng các khoản lãi đã tính cho Giá trị Tài khoản Cơ bản và Giá trị Tài khoản Tích lũy trong 04 Năm hợp đồng trước đó
<b>QLBH Cơ bản</b>	Tử vong	500.000.000 hoặc Giá trị Tài khoản Cơ bản (lấy giá trị nào lớn hơn), cộng với Giá trị Tài khoản Tích lũy
<b>QLBH Tử vong hoặc Tàn tật do Tai nạn Mở rộng</b>	Chấn thương nội tạng, xương khớp, bỏng hoặc tàn tật do tai nạn	% của 500.000.000 tùy theo tỷ lệ thương tật
	Tử vong do Tai nạn khi đang du lịch nước ngoài do công ty du lịch của Việt Nam tổ chức	1.500.000.000
	Tử vong do Tai nạn khi đang là hành khách trên phương tiện vận chuyển công cộng	1.000.000.000
	Tử vong do tai nạn	500.000.000
<b>QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn</b>	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	500.000.000
<b>QLBH Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng</b>	Nằm viện điều trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 500.000/ Ngày nằm viện do Bệnh</li> <li>• 750.000/ Ngày nằm viện do Tai nạn</li> <li>• 1.000.000/ Ngày nằm viện điều trị tại Khoa Hồi sức tích cực Và, nhận thêm lên đến 10.000.000 đồng nếu có Phẫu thuật</li> </ul>
<b>QLBH theo Mức độ cho Bệnh Nan Y</b>	Mắc Bệnh Nan Y trẻ em (trước khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm)	500.000.000
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 1 (sau khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm trở lên)	150.000.000
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 2 (sau khi NĐBH1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm trở lên)	300.000.000 + Miễn khấu trừ Phí BH rủi ro của QLBH này
	Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 3 (sau khi NĐBH 1 đạt 18 Tuổi bảo hiểm trở lên)	500.000.000
<b>Quyền lợi Đáo hạn</b>	Ngày đáo hạn Hợp đồng Bảo hiểm (HĐBH)	Giá trị Tài khoản Hợp đồng
<b>Người được Bảo hiểm 2</b>		

Quyền lợi Bảo hiểm	Sự kiện Bảo hiểm	Số tiền Bảo hiểm chi trả (đồng)
<b>QLBH khi Người giám hộ Tử vong</b>	Tử vong	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Miễn toàn bộ Khoản Khấu trừ hàng tháng của HĐBH cho đến khi NĐBH1 đạt 25 tuổi</li> <li>• 50.000.000 được cộng vào Giá trị Tài khoản Tích lũy theo định kỳ hàng năm cho đến khi NĐBH1 đạt 25 tuổi. Tổng số tiền chi trả tối đa không vượt quá 500.000.000</li> </ul>
<b>QLBH khi Người giám hộ bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc mắc Bệnh Nan Y</b>	Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc Mắc Bệnh Nan Y Mức độ 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Miễn toàn bộ Khoản Khấu trừ hàng tháng của HĐBH cho đến khi NĐBH1 đạt 25 tuổi</li> <li>• 50.000.000 được cộng vào Giá trị Tài khoản Tích lũy theo định kỳ hàng năm cho đến khi NĐBH1 đạt 25 tuổi. Tổng số tiền chi trả tối đa không vượt quá 500.000.000</li> </ul>
<b>QLBH Hỗ trợ Nằm viện Mở rộng</b>	Nằm viện điều trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 500.000/ Ngày nằm viện do Bệnh</li> <li>• 750.000/ Ngày nằm viện do Tai nạn</li> <li>• 1.000.000/ Ngày nằm viện điều trị tại Khoa Hồi sức tích cực Và, nhận thêm lên đến 10.000.000 đồng nếu có Phẫu thuật</li> </ul>

*Lưu ý: Trường hợp Sự kiện Bảo hiểm xảy ra trước khi NĐBH1 đạt 04 Tuổi Bảo hiểm, Số tiền Bảo hiểm chi trả sẽ được điều chỉnh giới hạn theo tuổi NĐBH1 được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.*

*Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả được quy định cụ thể trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.*

#### IV. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ - QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

**1. Quyền lợi Đầu tư:** BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung (“Quỹ LKC”). Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHD dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố.

**2. Rút tiền từ Giá trị Tài khoản (“GTTK”) Hợp đồng:**

**2.1. Rút tiền từ GTTK Tích lũy:** BMBH có thể rút tiền vào bất kỳ lúc nào trong thời gian HĐBH đang có hiệu lực, và không phải chịu phí rút tiền.

**2.2. Rút tiền từ GTTK Cơ bản:** Sau khi đã rút toàn bộ GTTK Tích lũy, BMBH có thể rút tiền mặt từ GTTK Cơ bản lên đến 80% Giá trị Hoàn lại của tài khoản này. Sau khi BMBH rút tiền từ GTTK Cơ bản, MGBH của QLBH Cơ bản sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng nếu GTTKHD sau khi rút nhỏ hơn MGBH của QLBH Cơ bản.

**V. BẢNG MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ**

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT														Đơn vị tính: nghìn đồng
Năm HD	Tuổi NDBH 1	Phí BH dự kiến /Năm	Phí BH phân bổ vào Quỹ LKC	LÃI SUẤT ĐẢM BẢO (Quyền lợi đảm bảo)				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 4%/NĂM			LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/NĂM			Rút tiền mặt
				Khoản Khấu trừ trong Năm HD	GTK Cơ bản	GTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại	GTK Cơ bản	GTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại	GTK Cơ bản	GTK Tích lũy	Giá trị Hoàn lại	
1	5	30.000	10.198	3.744	1.295	5.405	5.405	1.325	5.457	5.457	1.384	5.562	5.562	-
2	6	30.000	20.099	3.761	12.810	10.971	10.971	12.982	11.133	11.133	13.328	11.458	11.458	-
3	7	30.000	25.049	3.239	30.302	16.707	22.256	30.791	17.037	23.075	31.782	17.710	24.739	-
4	8	30.000	30.000	3.265	53.107	22.533	57.075	54.840	23.394	59.669	57.181	24.669	63.285	-
5	9	30.000	30.000	3.289	76.092	28.336	92.052	79.419	29.787	96.830	83.460	31.712	102.796	-
6	10	30.000	30.000	3.320	99.011	34.087	126.910	104.953	36.435	135.200	111.290	39.176	144.278	-
7	11	30.000	30.000	3.407	122.191	39.926	162.116	131.435	43.354	174.789	140.726	47.096	187.823	-
8	12	30.000	30.000	3.450	146.372	46.083	192.455	160.774	51.162	211.936	174.780	56.467	231.246	-
9	13	30.000	30.000	3.522	170.141	52.101	222.242	189.367	58.666	248.033	207.903	65.417	273.320	-
10	14	30.000	30.000	3.570	194.219	58.208	252.427	219.061	66.469	285.530	242.974	74.904	317.878	-
11	15	-	-	3.636	217.512	33.791	251.302	249.908	43.390	293.297	280.140	53.169	333.308	-
12	16	-	-	4.212	241.454	9.334	250.788	285.025	20.106	305.131	324.897	31.387	356.284	-
13	17	-	-	4.189	239.657	9.427	249.084	292.196	20.910	313.106	366.425	7.033	373.458	-
14	18	-	-	4.097	237.935	9.521	247.456	299.757	21.746	321.503	384.322	7.455	391.776	-
15	19	-	-	3.211	237.092	9.617	246.709	308.568	22.619	331.186	404.292	7.903	412.195	-
16	20	-	-	3.114	236.332	9.713	246.046	317.807	23.523	341.330	425.517	8.377	433.894	-
17	21	-	-	3.052	235.628	9.810	245.438	327.489	24.464	351.954	448.104	8.880	456.983	-
18	22	-	-	2.926	235.043	9.908	244.951	337.699	25.443	363.142	472.200	9.413	481.613	-
19	23	-	-	2.789	234.596	10.008	244.603	374.277	718	374.994	497.989	9.979	507.968	-
20	24	-	-	2.621	234.307	10.108	244.414	386.719	746	387.465	525.436	10.578	536.014	-
21	25	-	-	2.425	234.211	10.209	244.420	399.871	776	400.648	554.733	11.213	565.945	-

**VI. BẢNG MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**

MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VỚI CÁC MỨC LÃI SUẤT														Đơn vị tính: nghìn đồng
Năm HĐ	Tuổi NĐBH 1	LÃI SUẤT ĐẢM BẢO (Quyền lợi đảm bảo)				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 4%/NĂM				LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/NĂM				
		QL Duy trì Hợp đồng	QL Duy trì Hợp đồng Đặc biệt	QL Tuổi vàng	QLBH cơ bản (QL từ vong)	QL Duy trì Hợp đồng	QL Duy trì Hợp đồng Đặc biệt	QL Tuổi vàng	QLBH cơ bản (QL từ vong)	QL Duy trì Hợp đồng	QL Duy trì Hợp đồng Đặc biệt	QL Tuổi vàng	QLBH cơ bản (QL từ vong)	
1	5		-	-	505.405		-	-	505.457		-	-	505.562	
2	6	-	-	-	510.971	-	-	-	511.133	-	-	-	511.458	
3	7	-	-	-	516.707	-	-	-	517.037	-	-	-	517.710	
4	8	391	-	-	522.533	627	-	-	523.394	955	-	-	524.669	
5	9	-	-	-	528.336	-	-	-	529.787	-	-	-	531.712	
6	10	-	-	-	534.087	-	-	-	536.435	-	-	-	539.176	
7	11	-	-	-	539.926	-	-	-	543.354	-	-	-	547.096	
8	12	935	-	-	546.083	2.468	-	-	551.162	3.892	-	-	556.467	
9	13	-	-	-	552.101	-	-	-	558.666	-	-	-	565.417	
10	14	-	-	-	558.208	-	-	-	566.469	-	-	-	574.904	
11	15	-	-	-	533.791	-	-	-	543.390	-	-	-	553.169	
12	16	1.207	-	-	509.334	4.367	-	-	520.106	7.253	-	-	531.387	
13	17	-	-	-	509.427	-	-	-	520.910	-	-	-	507.033	
14	18	-	-	-	509.521	-	-	-	521.746	-	-	-	507.455	
15	19	-	-	-	509.617	-	-	-	522.619	-	-	-	507.903	
16	20	-	-	-	509.713	-	-	-	523.523	-	-	-	508.377	
17	21	-	-	-	509.810	-	-	-	524.464	-	-	-	508.880	
18	22	-	-	-	509.908	-	-	-	525.443	-	-	-	509.413	
19	23	-	-	-	510.008	-	-	-	500.718	-	-	-	509.979	
20	24	-	-	-	510.108	-	-	-	500.746	-	-	-	536.014	
21	25	-	-	-	510.209	-	-	-	500.776	-	-	-	565.945	

**TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:**

<b>Tổng số năm đóng phí (dự kiến):</b>	10 năm	<b>Tổng số phí đóng (dự kiến):</b>	300.000.000 đồng
<b>Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất 6%):</b>	565.945.100 đồng	<b>Tổng số tiền mặt rút (dự kiến):</b>	-
<b>Số tiền nhận khi đáo hạn (lãi suất 4%):</b>	400.647.500 đồng		

**Ghi chú:**

- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Các giá định ở mức lãi suất 6%, 4% chỉ có tính chất minh họa.
- Lãi suất đảm bảo là mức lãi suất tối thiểu mà Chubb Life cam kết áp dụng cho GTTKHD, bất kể kết quả hoạt động đầu tư từ Quỹ Liên kết chung. Lãi suất đảm bảo là 3%/năm trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, 2%/năm từ Năm hợp đồng thứ 4 đến Năm hợp đồng thứ 5, 1,5%/năm từ Năm hợp đồng thứ 6 đến Năm hợp đồng thứ 10 và 1%/năm trong những Năm hợp đồng còn lại.



**GIẢI THÍCH CÁC LOẠI CHI PHÍ KHẤU TRỪ VÀ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN**

**Phí ban đầu**

Là khoản phí được khấu trừ từ số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

Năm hợp đồng	1	2	3	4+
% của Phí BH cơ bản	80%	40%	20%	0%
% của Phí BH đóng thêm	0%	0%	0%	0%

**Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung**

Là khoản phí phân bổ từ số tiền thực đóng sau khi trừ đi Phí ban đầu và được nhập vào Quỹ LKC để đầu tư.

**Khoản Khấu trừ hàng tháng**

Là khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHD (bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng). Trong đó: **Phí bảo hiểm rủi ro** là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của NDBH khi tham gia (các) QL BH. **Phí Quản lý hợp đồng** là khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực HĐBH và cung cấp thông tin liên quan đến HĐBH. **Phí Quản lý hợp đồng** là 36.000 đồng/tháng trong năm 2021 và được tự động điều chỉnh vào ngày 01/01 hàng năm với mức tăng là 2.000 đồng/tháng so với mức cố định của năm liền trước. Việc điều chỉnh tăng này sẽ chấm dứt khi Phí Quản lý hợp đồng là 60.000 đồng/tháng.

**Phí Quản lý quỹ**

Là khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ LKC. Phí Quản lý quỹ tối đa là 2%/năm và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận.

**Phí chấm dứt hợp đồng**

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH yêu cầu chấm dứt HĐBH trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản cuối Năm hợp đồng đầu tiên như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4	5	6	7+
% của Phí BH cơ bản cuối Năm hợp đồng đầu tiên	100%	75%	50%	25%	0%

**Phí rút tiền từ GTTKHD**

Là khoản phí được áp dụng khi BMBH rút một phần GTTK Cơ bản trong 06 Năm hợp đồng đầu tiên và được xác định bằng 3% tính trên tổng số tiền rút từ GTTK Cơ bản.

**Giá trị Hoàn lại**

Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt HĐBH. Giá trị Hoàn lại được xác định bằng GTTK Cơ bản trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng, cộng với GTTK Tích lũy.

**XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM:**

- ✓ Tôi/Chúng tôi đã được Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) có tên dưới đây tư vấn, đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính Tương lai cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đã hiểu rõ về Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư khi tham gia Kế hoạch Tài chính Tương lai - Quyền lợi 25 - Lựa chọn A.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Tương lai là một cam kết dài hạn và việc hủy bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Bên mua Bảo hiểm phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng Bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực khi Phí Bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ vào ngày đến hạn đóng phí trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc khi Giá trị Tài khoản Hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng "0" đồng.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng Tài liệu minh họa này chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là Hợp đồng Bảo hiểm hay đề nghị giao kết Hợp đồng Bảo hiểm.

---

 Bên mua Bảo hiểm

*(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)*

---

 Chữ ký

---

 Ngày/tháng/năm
**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN KINH DOANH:**

Tôi cam đoan và xác nhận đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho BMBH có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa này và các nội dung của Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm.

---

 ĐDKD tư vấn

---

 Mã số ĐDKD

---

 Chữ ký

---

 Ngày/tháng/năm